

Bản án số: 114/2026/HS-ST
Ngày 19 - 03 - 2026

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 3 - LAI CHÂU**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm tại điểm cầu trung tâm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Ông Lê Minh Tuấn

Các hội thẩm nhân dân: Ông Đèo Văn Vĩnh, bà Nguyễn Thị Thu

- Thư ký phiên toà tại điểm cầu trung tâm: Ông Đỗ Tiến Tùng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 3 – Lai Châu tham gia phiên toà tại điểm cầu trung tâm: Ông **Phùng Văn C** - Kiểm sát viên.

Trong ngày 19 tháng 3 năm 2026 tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 3 – Lai Châu (điểm cầu trung tâm) và điểm cầu thành phần **Trung tâm trợ giúp pháp lý nhà nước tỉnh L** mở phiên tòa xét xử sơ thẩm, công khai, trực tuyến vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 111/2026/TLST - HS ngày 12 tháng 02 năm 2026 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 116/2026/QĐXXST-HS ngày 06/3/2026 đối với các bị cáo:

1. Họ và tên: **Vàng A L**, sinh ngày 05/01/1984, tại: **xã D, tỉnh Lai Châu**; giới tính: nam; tên gọi khác: không; nơi cư trú: **bản C, xã D, tỉnh Lai Châu**; nghề nghiệp: lao động tự do; trình độ học vấn: 8/12; dân tộc: Mông; quốc tịch: Việt Nam; tôn giáo: không; con ông: **Vàng A S** (đã chết); con bà: **Thào Thị C1**, sinh năm 1941; gia đình bị cáo có 08 anh, chị, em; bị cáo là con thứ năm; bị cáo chưa có vợ, con; tiền án, tiền sự: không.

Về nhân thân: tại Bản án số 58/HSST ngày 31/12/2004 của Tòa án nhân dân tỉnh Lai Châu áp dụng khoản 4 Điều 12, điểm b, p khoản 1, khoản 2 Điều 59, khoản 1 Điều 74 Bộ luật Hình sự năm 1999, xử phạt **Vàng A L** 08 năm tù về tội “Hiếp dâm trẻ em”. Tại Bản án số 09/2012/HSST ngày 28/11/2012 của Tòa án nhân dân huyện Phong Thổ, tỉnh Lai Châu áp dụng khoản 1 Điều 138; điểm g, p khoản 1, khoản 2 Điều 46; điểm g khoản 1 Điều 48 Bộ luật Hình sự năm 1999 (sửa đổi, bổ sung năm 2009) xử phạt **Vàng A L** 18 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản”. Tại Bản án số 41/2021/HSST ngày 18/3/2021 của Tòa án nhân dân huyện Mường Tè, tỉnh Lai Châu áp dụng khoản 1 Điều 173; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38; điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự, xử phạt **Vàng A L** 02 năm tù về tội “Trộm cắp tài sản”; ngày 03/01/2023, bị cáo đã chấp hành xong án phạt tù. Hiện bị cáo đã được xóa án tích đối với các bản án trên;

Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 27/10/2025 đến ngày 05/11/2025 bị áp dụng biện pháp tạm giam tại Phân trại tạm giam **Phong T** - Trại tạm giam **Công an tỉnh L** cho đến nay. *Bị cáo có mặt tại phiên tòa ở điểm cầu trung tâm.*

2. Họ và tên: **Vàng A D**, sinh ngày: 01/02/2000, tại: **xã S, tỉnh Lai Châu**; giới tính: nam; tên gọi khác: không; nơi cư trú: **bản N, xã S, tỉnh Lai Châu**; nghề nghiệp: lao động tự do; trình độ học vấn: không biết chữ; dân tộc: Mông; quốc tịch: Việt Nam; tôn giáo: không; con ông: **Vàng A T1** (đã chết); con bà: **Lầu Thị C2**, sinh năm 1977 (hiện không xác định được nơi cư trú); gia đình bị cáo có hai anh em, bị cáo là con thứ hai trong gia đình; bị cáo đang chung sống như vợ chồng với **Hàng Thị C3**, sinh năm 2005, tại bản Ngải thầu, **xã S, tỉnh Lai Châu**; bị cáo có 02 con; con lớn sinh năm 2022, con nhỏ sinh năm 2024; tiền án, tiền sự: không.

Về nhân thân: tại Bản án số 75/2022/HS-ST ngày 26/7/2022 của Tòa án nhân dân huyện Phong Thổ, tỉnh Lai Châu áp dụng khoản 1 Điều 173; các điểm b, i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; các điều 17, 38, 58 Bộ luật Hình sự, xử phạt **Vàng A D** 01 năm tù về tội “Trộm cắp tài sản”; bị cáo đã chấp hành xong án phạt tù. Hiện bị cáo đã được xóa án tích đối với bản án trên;

Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 09/11/2025 đến ngày 12/11/2025 bị áp dụng biện pháp tạm giam tại Phân trại tạm giam **Phong T** - Trại tạm giam **Công an tỉnh L** cho đến nay. *Bị cáo có mặt tại phiên tòa ở điểm cầu trung tâm.*

* Những người bị hại:

- Ông **Dì A T2**, sinh năm 1974, *vắng mặt có đơn xin xét xử vắng mặt.*

Địa chỉ: **bản H, xã D, tỉnh Lai Châu.**

- Bà **Giàng Thị C4**, sinh năm 1974, *vắng mặt có đơn xin xét xử vắng mặt.*

Địa chỉ: **bản H, xã D, tỉnh Lai Châu.**

* Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:

- Ông **Nguyễn Minh T3**, sinh năm 1982, *vắng mặt có đơn xin xét xử vắng mặt.*

Địa chỉ: **thôn T, xã P, tỉnh Lai Châu.**

* Người bào chữa cho các bị cáo **Vàng A L**, **Vàng A D**: Ông **Nguyễn Công H**, *có mặt tại điểm cầu thành phần Trung tâm trợ giúp pháp lý nhà nước tỉnh L.*

Nghề nghiệp: Trợ giúp viên pháp lý - Trung tâm trợ giúp pháp lý của Nhà nước tỉnh Lai Châu.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau: Khoảng 03 giờ sáng ngày 18/9/2025, bị cáo **Vàng A L** và bị cáo **Vàng A D** rủ nhau đi sang bản Sênh Sảng B, **xã D** tìm tài sản trộm cắp. Khi đang đi trên đường thuộc bản Sênh Sảng B, **Vàng A L** và **Vàng A D** nhìn thấy chiếc xe mô tô nhãn hiệu Honda, loại Wave RSX, biển kiểm soát 25B1- 283.41 đang dựng ở lề đường. Quan sát xung quanh thấy không có ai, **L** bảo **D** trộm cắp chiếc xe bán lấy tiền tiêu sài, **D** đồng ý. Dê dùng bật lửa soi đèn cho **L** rút dây điện ở ổ khóa đầu nối lại rồi đạp nổ xe, sau đó **L** điều khiển xe mô

tô chở **D** đi từ **xã D hướng về xã K, tỉnh Lai Châu**. Trên đường đi, **D** dùng tay tháo biển kiểm soát xe mô tô vứt vào bờ ruộng gần đường. Khoảng 07 giờ ngày 18/9/2025, khi đến cửa hàng sửa chữa xe máy của ông **Nguyễn Minh T3**, sinh năm 1982, tại bản Khổng Lào, **xã K; L** bảo **D** đứng ngoài đợi còn **L** đi vào trao đổi bán xe. **L** nói với ông **T3** đây là xe mô tô của **L** bị mất giấy tờ, biển kiểm soát hiện đang để ở nhà nếu ông **T3** mua thì mai mang xuống. Ông **T3** nhất trí mua chiếc xe với giá 2.000.000 đồng. Bán được chiếc xe mô tô trộm cắp, **L** và **D** cùng đi về **xã D** ăn uống hết 400.000 đồng, còn lại 1.600.000 đồng chia nhau mỗi người 800.000 đồng mang đi tiêu sài hết. Trưa ngày 19/9/2025, **L** đi tìm biển kiểm soát đã vứt bỏ trước đó, sau đó mang đến đưa cho ông **T3** để lấy thêm tiền. Ông **T3** yêu cầu lên cơ quan Công an hỏi xem có phải xe của **L** không thì **L** để lại biển kiểm soát rồi bỏ trốn. Biết hành vi phạm tội của mình đã bị phát hiện, ngày 27/10/2025, **Vàng A L** đến **Công an xã D** đầu thú; ngày 09/11/2025, **Vàng A D** tiếp tục đến **Công an xã D** đầu thú.

Tại bản Kết luận định giá tài sản số 712/KL-HĐĐGTS 10/10/2025 của Hội đồng định giá tài sản **xã D** kết luận: chiếc xe mô tô nhãn hiệu Honda, loại Wave RSX, biển kiểm soát 25B1- 283.41 bị **Vàng A L**, **Vàng A D** trộm cắp có trị giá 6.333.000 đồng.

Quá trình điều tra Cơ quan điều tra đã thu giữ vật chứng: Cơ quan điều tra tạm giữ của ông **Dì A T2** 01 đăng ký xe mô tô, tạm giữ của ông **Nguyễn Minh T3** 01 xe mô tô biển kiểm soát 25B1-283.41. Trong giai đoạn điều tra đã xác định chiếc xe mô tô nhãn hiệu Honda, loại Wave RSX, biển kiểm soát 25B1-283.41 thuộc sở hữu của vợ chồng ông **Dì A T2**, sinh năm 1974 và bà **Giàng Thị C4**, sinh năm 1974, trú tại bản Hợp 2, **xã D, tỉnh Lai Châu**. Ngày 17/9/2025, ông **T2** đi làm nương nên dựng chiếc xe mô tô ở lề đường thuộc bản Sênh Sảng B, **xã D** Sáng ngày 19/9/2025, ông **T2** quay lại thì phát hiện chiếc xe đã bị mất trộm và làm đơn tố giác gửi **Công an xã D** Xét thấy việc xử lý vật chứng không ảnh hưởng đến việc xử lý vụ án và thi hành án, ngày 19/01/2026 Cơ quan điều tra đã ra Quyết định xử lý vật chứng trả lại chiếc xe mô tô cùng đăng ký xe cho ông **T2**.

Đối với chiếc bật lửa **Vàng A L**, **Vàng A D** sử dụng khi phá khóa xe mô tô, **L** và **D** khai đã làm rơi mất. Cơ quan điều tra tiến hành truy tìm nhưng không thu hồi được.

* Phần dân sự: các bị hại **Dì A**, **Giàng Thị C4** và người có quyền lợi liên quan **Nguyễn Minh T3** không yêu cầu các bị cáo phải bồi thường gì khác.

Bản cáo trạng số 109/CT – VKSKV3 ngày 12/02/2026 của Viện kiểm sát nhân dân khu vực 3 – Lai Châu đã truy tố bị cáo **Vàng A L**, **Vàng A D** ra trước Tòa án nhân dân khu vực 3 - Lai Châu, để xét xử về tội “Trộm cắp tài sản” theo quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa vị đại diện Viện kiểm sát giữ nguyên quan điểm và đề nghị Hội đồng xét xử:

Áp dụng khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự, điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 17, Điều 58, Điều 38 Bộ luật hình sự đối với bị cáo **Vàng A L** xử phạt bị cáo **Vàng A L** từ 12 tháng đến 18 tháng tù về tội “*Trộm cắp tài sản*”. Thời hạn tù tính từ ngày bị cáo bị tạm giữ ngày 27/10/2025. Không áp dụng hình phạt bổ sung theo quy định tại khoản 5 Điều 173 Bộ luật hình sự. Miễn án phí hình sự sơ thẩm cho bị cáo theo quy định của pháp luật.

Áp dụng khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự, điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 17, Điều 58, Điều 38 Bộ luật hình sự xử phạt bị cáo **Vàng A D** từ 10 tháng đến 16 tháng tù về tội “*Trộm cắp tài sản*”. Thời hạn tù tính từ ngày bị cáo bị tạm giữ ngày 09/11/2025. Không áp dụng hình phạt bổ sung theo quy định tại khoản 5 Điều 173 Bộ luật hình sự. Miễn án phí hình sự sơ thẩm cho bị cáo theo quy định của pháp luật.

Xử lý vật chứng: không đề nghị gì. Về trách nhiệm dân sự: không đề nghị gì.

Người bào chữa cho các bị cáo trình bày bản bào chữa: đề nghị Hội đồng xét xử xem xét các tình tiết giảm nhẹ đối với các bị cáo đề nghị xem xét giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo. Miễn án phí hình sự, miễn hình phạt bổ sung là phạt tiền cho các bị cáo.

* Phân dân sự: các bị hại **Dì A**, **Giàng Thị C4** và người có quyền lợi liên quan **Nguyễn Minh T3** trong quá trình điều tra và tại phiên tòa đã có lời khai và đơn đề nghị xét xét vắng mặt, các bị hại **Dì A**, **Giàng Thị C4** và người có quyền lợi liên quan **Nguyễn Minh T3** không yêu cầu các bị cáo phải bồi thường nên Hội đồng xét xử ghi nhận ý kiến của các đương sự không xem xét trách nhiệm dân sự đối với các bị cáo trong vụ án này.

Người bào chữa cho bị cáo đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng các tình tiết giảm nhẹ hình phạt quy định tại điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự xem xét giảm nhẹ mức hình phạt cho các bị cáo. Đối với đề nghị về mức hình phạt của đại diện Viện kiểm sát người bào chữa cho rằng là nghiêm khắc nên đề nghị Hội đồng xét xử xem xét. Đại diện Viện kiểm sát giữ nguyên quan điểm đề xuất về mức hình phạt đề nghị hội đồng xét xử xem xét theo quy định. Người bào chữa và đại diện Viện kiểm sát không có tranh luận gì khác.

Bị cáo **Vàng A L** và **Vàng A D** không có ý kiến bổ sung gì khác đối với lời bào chữa của người bào chữa và không có tranh luận gì với đại diện Viện kiểm sát. Tại lời nói sau cùng bị cáo **Vàng A L** rất hối hận về hành vi phạm tội của mình và đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo. Bị cáo **Vàng A D** đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra **Công an tỉnh L**, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân khu vực 3 – Lai Châu, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ

tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình chuẩn bị xét xử và tại phiên tòa, bị cáo, người bào chữa cho các bị cáo, những người tham gia tố tụng không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp. Người bào chữa cho các bị cáo đã thực hiện đúng các quyền, nghĩa vụ theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự.

[2] Về tính chất mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi phạm tội:

Lời khai nhận tội của các bị cáo trong quá trình điều tra và tại phiên tòa phù hợp với lời khai của những người tham gia tố tụng và các tài liệu chứng cứ khác trong hồ sơ vụ án, có đủ căn cứ để khẳng định: Khoảng 03 giờ sáng ngày 18/9/2025, tại bản Sảnh Sảng B, xã D, tỉnh Lai Châu, bị cáo Vàng A L và bị cáo Vàng A D đã cùng nhau thực hiện hành vi trộm cắp chiếc xe mô tô nhãn hiệu Honda, loại Wave RSX, biển kiểm soát 25B1-283.41 có trị giá 6.333.000 đồng của vợ chồng ông Dì A T2, bà Giàng Thị C4.

Đây là vụ án đồng phạm giản đơn, bị cáo Vàng A L là người khởi xướng và cùng thực hiện hành vi phạm tội với bị cáo Vàng A D. Bị cáo Vàng A D là người thực hành tích cực cùng với Vàng A L.

Hành vi nêu trên của bị cáo Vàng A L và Vàng A D là nguy hiểm cho xã hội, đã xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản của người khác, gây mất trật tự trị an tại địa phương xã D nói riêng và tại tỉnh Lai Châu nói chung. Bị cáo Vàng A L và Vàng A D là người có đầy đủ năng lực trách nhiệm hình sự và thực hiện hành vi phạm tội với lỗi cố ý. Ý thức được điều đó nhưng vì mục đích tư lợi cho bản thân các bị cáo vẫn cố ý phạm tội nên các bị cáo phải chịu trách nhiệm hình sự về tội “Trộm cắp tài sản” theo quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự.

[3] Về nhân thân và các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với bị cáo: các bị cáo Vàng A L và Vàng A D đều có nhân thân xấu, trong quá trình điều tra, truy tố, xét xử các bị cáo Vàng A L, Vàng A D đã thành khẩn khai nhận hành vi phạm tội của mình; các bị cáo phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng. Sau khi hành vi phạm tội bị phát hiện các bị cáo đã đến cơ quan Công an đầu thú, các bị cáo đều là người dân tộc thiểu số, gia đình thuộc hộ nghèo, sinh sống tại vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn nên Hội đồng xét xử xét thấy cần áp dụng cho bị cáo hưởng tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm i, s khoản 1 khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự (Áp dụng điểm i khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự đối với các bị cáo căn cứ theo quy định tại Nghị quyết số 04/2025/NQ – HĐTP ngày 30/9/2025 là phù hợp). Các bị cáo không phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự theo quy định tại Điều 52 Bộ luật hình sự.

Trên cơ sở tính chất, mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi phạm tội, xét nhân thân và các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự. Xét toàn diện nội dung vụ án, Hội đồng xét xử xét thấy các bị cáo đã nhận thức rõ và rất ân hận về hành vi phạm tội của mình, có nhiều tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, nên cần áp dụng một hình phạt tù tương xứng với hành vi phạm tội của các bị cáo, có

xét đến vai trò của từng bị cáo trong vụ án. Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát đề nghị mức xử phạt đối với các bị cáo là phù hợp nên được chấp nhận. Đối với đề nghị của người bào chữa đề nghị xem xét giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo, Hội đồng xét xử xét thấy cần áp dụng hình phạt tù tương xứng đối với hành vi phạm tội của các bị cáo để đảm bảo tính nghiêm minh, giáo dục đối với các bị cáo.

[4] Về hình phạt bổ sung: ngoài hình phạt chính, lẽ ra bị cáo còn có thể bị áp dụng hình phạt bổ sung bằng hình thức phạt tiền theo quy định tại khoản 5 Điều 173 của Bộ luật hình sự. Nhưng xét thấy các bị cáo không có nghề nghiệp ổn định, không có khả năng thi hành, gia đình có hoàn cảnh khó khăn. Vì vậy, Hội đồng xét xử không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với các bị cáo.

[5] Về vật chứng của vụ án: đã giải quyết trong quá trình điều tra đảm bảo đúng quy định của pháp luật và không có vật chứng gì khác.

[6] Về trách nhiệm dân sự: những người bị hại, những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không ai có yêu cầu gì nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[7] Về các vấn đề liên quan:

Đối với **Nguyễn Minh T3** là người đã mua chiếc xe mô tô biển kiểm soát 25B1-283.41. Quá trình điều tra xác định **T3** không biết chiếc xe mô tô do **Vàng A L** và **Vàng A D** trộm cắp mà có nên không phạm tội.

Kết quả kiểm tra ma túy trong nước tiểu của **Vàng A L**, **Vàng A D** dương tính. Tuy nhiên, **Vàng A L** và **Vàng D** không thuộc một trong các trường hợp từ điểm a đến điểm d khoản 1 Điều 256a Bộ luật Hình sự nên không phạm tội “Sử dụng trái phép chất ma túy”.

[8] Về án phí: các bị cáo **Vàng A L**, **Vàng A D** là người dân tộc thiểu số sinh sống tại xã đặc biệt khó khăn theo quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 12, khoản 6 Điều 15 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội nên miễn án phí hình sự sơ thẩm cho các bị cáo

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1, khoản 5 Điều 173, điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 17, **Điều 38**, Điều 58 Bộ luật hình sự. Điều 135, khoản 2 Điều 136, Điều 331, Điều 333 Bộ luật tố tụng hình sự. Điểm đ khoản 1 Điều 12, **khoản 6 Điều 15** Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án đối với các bị cáo **Vàng A L**, **Vàng A D**:

1. Tuyên bố các bị cáo **Vàng A L**, **Vàng A D** phạm tội “*Trộm cắp tài sản*”.

2. Về hình phạt:

Xử phạt: Bị cáo **Vàng A L** 01 (một) năm 04 (bốn) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày 27/10/2025. Miễn hình phạt bổ sung là phạt tiền cho bị cáo.

Xử phạt: Bị cáo **Vàng A D** 01 (một) năm 01 (một) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày 09/11/2025. Miễn hình phạt bổ sung là phạt tiền cho bị cáo.

3. Về án phí: miễn án phí hình sự sơ thẩm cho các bị cáo **Vàng A L**, **Vàng A D**.

Các bị hại vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo lên Tòa án nhân dân cấp trên trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật. Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo về những vấn đề trực tiếp liên quan đến quyền lợi, nghĩa vụ của mình lên Tòa án nhân dân cấp trên trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Các bị cáo có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo lên Tòa án nhân dân cấp trên trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Lai Châu;
- VKSND tỉnh Lai Châu;
- VKSND khu vực 3 – Lai Châu;
- Phòng Thi hành án khu vực 3 – Lai Châu;
- Công an tỉnh Lai Châu (CSĐT);
- Công an tỉnh Lai Châu (CQ THAHS);
- Công an tỉnh Lai Châu (Phòng hồ sơ);
- Trại tạm giam Công an tỉnh Lai Châu;
- Phân trại tạm giam Phong Thổ;
- Các bị cáo;
- Các bị hại;
- Người có QLNVLQ;
- Người bào chữa cho các bị cáo;
- Lưu HSVA.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - chủ tọa phiên tòa

Lê Minh Tuấn

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Các Hội thẩm nhân dân

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

